

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Căn cứ Khoản 2 Điều 11, Chương II của "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 3619/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản số 2092/BB-ĐHCT-HĐKHĐT phiên họp ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ;

Xét đề nghị của Trưởng Khoa Sau đại học Trường Đại học Cần Thơ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành chương trình đào tạo ngành Chính sách công trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8340402.

*(Đính kèm chương trình đào tạo)*

**Điều 2.** Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ này được áp dụng tại Trường Đại học Cần Thơ sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyết định cho phép mở ngành.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Khoa Sau đại học, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSDH, PKHTH.

KT. **HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Trần Thị Thanh Hiền**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng nghiên cứu  
Tên ngành: Chính sách Công  
Mã ngành: 8340402

|     |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tên ngành đào tạo                                 | Chính sách Công<br>Public Policy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 2   | Mã ngành                                          | 8340402                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3   | Đơn vị quản lý                                    | Bộ Môn Kinh tế - Xã hội và Chính sách,<br>Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4   | Các ngành dự thi                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.1 | Ngành đúng, phù hợp (không học bổ sung kiến thức) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.2 | Ngành gần (học bổ sung kiến thức)                 | Khoa học quản lý (7340401); Quản lý công (7340403); Quản trị nhân lực (7340404); Hệ thống thông tin quản lý (7340405); Quản trị văn phòng (7340406); Quan hệ lao động (7340408); Quản lý dự án (7340409); Quản trị kinh doanh (7340101); Kinh doanh quốc tế (7340120); Kinh doanh nông nghiệp (7620114); Kinh tế nông nghiệp (7620115); Phát triển nông thôn (7620116).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 5   | Mục tiêu                                          | <p>- <b>Mục tiêu chung:</b> Chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách Công (CSC) theo định hướng nghiên cứu, đào tạo được học viên có trình độ cao về hoạch định chính sách, phân tích và đề xuất cải thiện chính sách công ở các cấp; đồng thời có khả năng nghiên cứu khoa học về CSC và có thể học nâng cao trình độ đến bậc tiến sĩ trong lĩnh vực này. Chương trình này đào tạo các học viên có thể đảm nhận vị trí lãnh đạo, quản lý và chuyên viên thực thi chính sách ở các cấp độ trong nền kinh tế và đời sống xã hội.</p> <p>- <b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <p>a) Trang bị cho học viên có tư tưởng chính trị vững vàng, toàn tâm, toàn ý phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung và đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng;</p> <p>b) Trang bị lý thuyết cơ bản liên quan đến các trụ cột của CSC, bao gồm kinh tế, xã hội, thể chế, quản trị và hành chính;</p> <p>c) Cung cấp cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững, gắn bối cảnh biến đổi khí hậu và kinh tế hội nhập ở ĐBSCL, làm nền tảng trong hoạch định, thực thi và đánh giá CSC;</p> <p>d) Thảo luận về hệ thống chính sách tổng hợp và đơn ngành liên quan đến kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH);</p> <p>e) Cung cấp phương pháp tiếp cận và công cụ hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách và quản lý dự án công;</p> <p>f) Hướng dẫn học viên ứng dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học và công cụ phân tích CSC, hướng đến tính đa dạng và chất lượng dịch vụ công và tham gia giảng dạy và tư vấn chuyên ngành Chính sách và Kinh tế công;</p> |

|     |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | <p>g) Tạo tính tự chủ, trách nhiệm, tư duy phản biện để đánh giá tính hai mặt của vấn đề nói chung và can thiệp chính sách nói riêng;</p> <p>h) Tạo cho học viên có thói quen không ngừng tự học nâng cao trình độ để thích ứng với bối cảnh thay đổi;</p> <p>i) Rèn luyện tác phong công nghiệp, thái độ hợp tác đa ngành và các bên liên quan để giải quyết các vấn đề chung và tổng hợp;</p> <p>k) Hướng dẫn học viên sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, thảo luận, viết báo cáo, và phản biện các vấn đề có liên quan đến chuyên môn được đào tạo.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 6   | <b>Chuẩn đầu ra</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 6.1 | Kiến thức           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |                     | <p><b>2.1.1. Phần kiến thức chung</b></p> <p>(a) Nắm vững các nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin;</p> <p>(b) Nắm vững kiến thức cơ bản về tiếng Anh (tự học đạt chứng nhận B1 bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc).</p> <p><b>2.1.2. Phần kiến thức cơ sở</b></p> <p>a) Nhận biết nguyên lý cơ bản và vai trò của CSC trong phát triển bền vững;</p> <p>b) Nắm được lý thuyết cơ bản về các trụ cột của CSC (kinh tế - xã hội, luật, quản trị, hành chính);</p> <p>c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học.</p> <p><b>2.1.3. Phần kiến thức chuyên ngành</b></p> <p>a) Nắm được hệ thống chính sách tổng hợp và đơn ngành liên quan kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường và ứng phó BĐKH;</p> <p>b) Có kiến thức về lý thuyết và phương pháp tiếp cận hoạch định, thực hiện và đánh giá CSC và quản lý dự án công.</p> <p>c) Nắm vững các công cụ phân tích chính sách, kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường và định chế.</p> |
| 6.2 | Kỹ năng             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |                     | <p><b>2.2.1. Kỹ năng cứng</b></p> <p>a) Phân tích và đánh giá được tác động của chính sách, luật pháp tầm vĩ mô trong phát triển kinh tế xã hội;</p> <p>b) Hoạch định, thực thi và đánh giá được chính sách ở cấp độ địa phương, vùng; xây dựng, thẩm định và đánh giá được các dự án đầu tư công theo chuyên ngành hay các cấp độ quản lý hành chính;</p> <p>c) Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học và công cụ phân tích vào thực tiễn CSC nhằm đa dạng, nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ công.</p> <p><b>2.2.2. Kỹ năng mềm</b></p> <p>a) Kỹ năng làm việc nhóm, tham gia và điều phối hoạt động đa ngành và với nhiều bên liên quan, phương pháp làm việc khoa học;</p>                                                                                                                                                                                                                                                           |

|     |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                      | b) Sử dụng được ngoại ngữ để diễn đạt, thảo luận, viết báo cáo, và phản biện các vấn đề có liên quan đến chuyên ngành CSC.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 6.3 | Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn                  | Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 6.4 | Tự chủ/tự chịu trách nhiệm                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư duy tự chủ khoa học; tự lập kế hoạch, quản lý thời gian tương xứng với vị trí công việc;</li> <li>- Tôn trọng sự thật khách quan; nhận thức tác động hai chiều của can thiệp chính sách; thái độ lắng nghe ý kiến đa chiều, chấp nhận tinh thần phản biện;</li> <li>- Tinh thần học tập suốt đời; thích ứng với bối cảnh hội nhập và thay đổi hệ thống sinh thái xã hội;</li> <li>- Thái độ hợp tác, làm việc nhóm, đa ngành; tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp trong thời đại Công nghiệp 4.0.</li> </ul> |
| 7   | <b>Cấu trúc chương trình đào tạo</b>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chung: 4 tín chỉ</li> <li>- Kiến thức cơ sở: 11 tín chỉ</li> <li>- Kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ</li> <li>- Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 8   | <b>Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số học phần: 02-03; tổng tín chỉ: 05, tự chọn trong các học phần</li> <li>- Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>)               <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Chính sách công (ML360, 2)</li> <li>2) Khoa học quản lý (ML366, 3)</li> <li>3) Kinh tế Vĩ mô 1 (KT102, 3)</li> <li>4) Kinh tế Vĩ mô (KT101, 3)</li> </ol> </li> </ul>                                                                                                                                                      |
|     | <b>Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành khác</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số học phần: 03-04; tổng tín chỉ: 8; tự chọn trong các học phần</li> <li>- Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>)               <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Chính sách công (ML360, 2)</li> <li>2) Khoa học quản lý (ML366, 3)</li> <li>3) Kinh tế Vĩ mô 1 (KT102, 3)</li> <li>4) Kinh tế Vĩ mô (KT101, 3)</li> <li>5) Quản trị học (KT103, 3)</li> </ol> </li> </ul>                                                                                                                   |
| 9   | <b>Đã tham khảo CTĐT những trường</b>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường Đại học Fulbright Việt Nam<br/> <a href="https://www.fsppm.fuv.edu.vn/en/programs/overview/master-of-public-policy-program/">https://www.fsppm.fuv.edu.vn/en/programs/overview/master-of-public-policy-program/</a></li> <li>- Trường Đại học Việt Nhật (Vietnam Japan University)<br/> <a href="http://vju.vnu.edu.vn/vn/menu/academics/public-policy">http://vju.vnu.edu.vn/vn/menu/academics/public-policy</a>.</li> </ul>                                                                               |
| 10  | <b>Môn thi tuyển sinh</b>                            | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế học</li> <li>2. Toán thống kê</li> <li>3. Ngoại ngữ</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

**Chương trình đào tạo chi tiết****Tổng số tín chỉ: 60 TC****Thời gian đào tạo: 2 năm**

| TT                                         | Mã số HP | Tên học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tín chỉ | Bắt buộc | Tự chọn | Số tiết LT | Số tiết TH | HP tiên quyết | HK thực hiện |
|--------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|---------|------------|------------|---------------|--------------|
| Phần kiến thức chung                       |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |          |         |            |            |               |              |
| 1                                          | ML606    | Triết học                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4          | X        |         | 60         |            |               | I,II         |
| 2                                          |          | Ngoại ngữ: Học viên có thể chọn 1 trong 3 cách sau:<br>- Nộp chứng chỉ B1 do các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép;<br>- Nộp văn bằng ngoại ngữ được quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ GD&ĐT;<br>- Tham gia học phần ngoại ngữ do Trường tổ chức riêng cho học viên cao học theo quy định. |            |          |         |            |            |               |              |
| Cộng: 4 TC (Bắt buộc 4 TC; Tự chọn: 0 TC)  |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |          |         |            |            |               |              |
| Phần kiến thức cơ sở                       |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |          |         |            |            |               |              |
| 3                                          | PDC601   | Đại cương chính sách công                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2          | X        |         | 20         | 20         |               | I,II         |
| 4                                          | PDC602   | Phân tích kinh tế trong chính sách công                                                                                                                                                                                                                                                           | 3          | X        |         | 35         | 20         |               | I,II         |
| 5                                          | PDP624   | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2          | X        |         | 20         | 20         |               | I,II         |
| 6                                          | PDC603   | Hành chính và quản trị công                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2          |          | X       | 20         | 20         |               | I,II         |
| 7                                          | PDC604   | Luật và chính sách công                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2          |          | X       | 30         |            |               | I,II         |
| 8                                          | PDC605   | Kinh tế chính trị học quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2          |          | X       | 25         | 10         |               | I,II         |
| Cộng: 11 TC (Bắt buộc 7 TC; Tự chọn: 4 TC) |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |          |         |            |            |               |              |
| Phần kiến thức chuyên ngành                |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |          |         |            |            |               |              |
| 9                                          | PDC606   | Khung phân tích chính sách công                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3          | X        |         | 30         | 30         |               | I,II         |
| 10                                         | PDC607   | Kinh tế lượng trong chính sách công                                                                                                                                                                                                                                                               | 3          | X        |         | 35         | 20         |               | I,II         |
| 11                                         | PDP627   | Quản lý dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3          | X        |         | 30         | 30         |               | I,II         |
| 12                                         | PDC608   | Quản trị và phát triển bền vững                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3          | X        |         | 30         | 30         |               | I,II         |
| 13                                         | PDC609   | Thực hành                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3          | X        |         | 10         | 70         |               | III          |
| 14                                         | PDC610   | Chính sách tài nguyên và môi trường ứng phó BĐKH                                                                                                                                                                                                                                                  | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |
| 15                                         | PDC611   | Chính sách thương mại và kiểm soát chất lượng                                                                                                                                                                                                                                                     | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |
| 16                                         | PDC612   | Thương mại quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3          |          | X       | 40         | 10         |               | I,II         |
| 17                                         | KT615    | Tài chính phát triển                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |
| 18                                         | PDC613   | Lượng giá tài nguyên môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |
| 19                                         | PDC614   | Chính sách phát triển                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3          |          | X       | 40         | 10         |               | I,II         |
| 20                                         | PDC615   | Chính sách phát triển vùng và địa phương                                                                                                                                                                                                                                                          | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |
| 21                                         | PDP621   | Chính sách nông nghiệp và nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                               | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |
| 22                                         | PDP631   | Phân tích định chế và tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3          |          | X       | 30         | 30         |               | I,II         |

| TT                                           | Mã số HP | Tên học phần                            | Số tín chỉ | Bắt buộc  | Tự chọn   | Số tiết LT | Số tiết TH | HP tiên quyết | HK thực hiện |
|----------------------------------------------|----------|-----------------------------------------|------------|-----------|-----------|------------|------------|---------------|--------------|
| 23                                           | PDP626   | Quản lý nguồn nhân lực                  | 3          |           | X         | 30         | 30         |               | I,II         |
| 24                                           | PDC616   | Phát triển cộng đồng và phúc lợi xã hội | 3          |           | X         | 30         | 30         |               | I,II         |
| 25                                           | PDP605   | Đánh giá tổn thương và nâng cao sinh kế | 3          |           | X         | 30         | 30         |               | I,II         |
| 26                                           | PDP629   | Dân số, giới và công bằng xã hội        | 3          |           | X         | 30         | 30         |               | I,II         |
| Cộng: 30 TC (Bắt buộc 15 TC; Tự chọn: 15 TC) |          |                                         |            |           |           |            |            |               |              |
| <b>Phản luận văn tốt nghiệp</b>              |          |                                         |            |           |           |            |            |               |              |
| 27                                           | PDC000   | Luận văn tốt nghiệp                     | 15         | X         |           |            |            |               | II           |
|                                              |          | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>60</b>  | <b>41</b> | <b>19</b> |            |            |               |              |

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2019

Kí. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hiền